

CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG & AN TOÀN NGƯỜI BỆNH



⚠ SỰ CỐ Y KHOA

Trong quý II năm 2022, bệnh viện có 2 sự cố y khoa mức độ nặng (NC3). 100% sự cố được báo cáo đầy đủ và đúng theo quy định.

Sự cố 1:

Lúc 9:15 giờ, ngày 6/4/2022, bé sinh mổ đủ tháng nhẹ cân. Sau theo dõi ổn định tại Hồi sức sơ sinh chuyển khoa Sản (15:30 giờ). Lúc 8 giờ, ngày 7/4/2022, bé tỉnh, bú tốt, phản xạ khá, trớ sữa, đồng tử 2 bên có 2 đốm trắng với chẩn đoán là đục thủy tinh thể nên đề nghị khám bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh và ngón II chân 2 bên vẹo trong nên nghi ngờ dị tật bẩm sinh. Siêu âm bình thường (trừ siêu âm tim do bé khóc nhiều).

Lúc 14:15 giờ, ngày 7/4/2022, bé được tiêm chủng vắc xin Lao, viêm gan B. Sau tiêm, bé được theo dõi tại nơi tiêm trong 30 phút và đưa về phòng. Đến 15:10 giờ, người nhà báo bé suy hô hấp với triệu chứng tím tái, môi nhạt, phản xạ yếu nên chuyển ngay đến Hồi sức sơ sinh. BS đánh giá bé tri giác lơ mơ, trào sữa mũi miệng, SpO2 60-70%, phản xạ rất kém, tim rời rạc 45-55 lần/phút, HA không đo được.

Xử trí: Cấp cứu và xử trí theo phác đồ suy hô hấp – tuần hoàn (Hút ra đàm nhớt kèm sữa, bóp bóng qua mask với oxy 10 lít/phút, đặt nội khí quản, bóp bóng qua nội khí quản. Adrenalin 1/10.000 bơm nội khí quản (1,5 ml) sau đó tiêm TM 0,3 ml, truyền duy trì 0,1 µg/kg/phút); cấp cứu phản vệ do không thể loại trừ (Adrenalin 1 mg/ml x 0,2 ml tiêm bắp); báo cáo lãnh đạo, xin ý kiến chuyển viện tuyến trên sau khi cấp cứu ổn định.

Sự cố 2:

Lúc 1:40 giờ, ngày 20/4/2022, vợ bệnh nhân ngủ quên, thức dậy không thấy chồng trên giường và cửa nhà vệ sinh đóng chặt nên báo kíp trực. Đến 1:42 giờ, điều dưỡng tua trực mở cửa nhà vệ sinh thì thấy bệnh nhân trong tư thế treo cổ. Bác sĩ trực nhận định bệnh nhân toàn thân tím tái, lè lưỡi, sùi bọt mép, ngưng tim, ngưng thở. Mạch cảnh và mạch bẹn 2 bên không bắt được, huyết áp không đo được. Bệnh nhân không đáp ứng với kích thích, đồng tử 2 bên giãn tối đa, phản xạ ánh sáng âm tính, da toàn thân lạnh.

Kíp trực báo ngay cho lãnh đạo bệnh viện, bác sĩ trực cấp cứu và điều dưỡng trưởng trực bệnh viện và bảo vệ bệnh viện thống nhất giữ nguyên hiện trường và báo công an phường, quận. Công an phường và quận tiến hành các thủ tục pháp lý và lập biên bản nhận thi thể bệnh nhân chuyển về trung tâm hỏa táng Bình Hưng Hòa chờ pháp y tử thi.

⚙ GIÁM SÁT THỰC HIỆN ĐÚNG PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ

Khoa	Số hồ sơ được kiểm tra	Tuân thủ		Tuân thủ không đầy đủ		Không tuân thủ	
		N	%	N	%	N	%
Cấp cứu	8	8	100%	0	0%	0	0%
Nội	6	6	85.7%	1	14.3%	0	0%
Ngoại	12	12	100%	0	0%	0	0%
Sản	14	14	100%	0	0%	0	0%
Nhi	6	6	100%	0	0%	0	0%
Tai Mũi Họng	9	9	100%	0	0%	0	0%
Lọc thận	9	9	100%	0	0%	0	0%
Tổng	50	50	98.5%	1	1.5%	0	0%

Chỉ số chất lượng	Khoa/Phòng	Chỉ tiêu năm 2022	Kết quả quý I/2022	So sánh chỉ tiêu
-------------------	------------	-------------------	--------------------	------------------

A. Chỉ số chất lượng chung của bệnh viện

1. Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên	K. Ngoại	≥ 75%	79,2%	Đạt
	K. Phụ Sản	≥ 95%	95,1%	Đạt
	K. Tai Mũi Họng	≥ 93%	94,6%	Đạt
2. Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện	K. CC - HS nội	< 0.1%	0%	Đạt
3. Số sự cố y khoa nghiêm trọng	P. QLCL	0 sự cố	2 sự cố	Không đạt
4. Tỷ lệ HSBA hoàn thiện yêu cầu cơ bản theo quy chế HSBA	P. KHTH	≥ 85%	96,7%	Đạt
5. Tỷ lệ ca phẫu thuật sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
6. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của NVYT theo 5 thời điểm	Tổ KSNK	≥ 60%	64,7%	Đạt
7. Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	K. Khám bệnh	≤ 125 phút	127,9 phút	Không đạt
8. Hiệu suất sử dụng phòng mổ	K. GMPT	≥ 50%	60,1%	Đạt
9. Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	K. Cấp cứu	≤ 3,8%	3,29%	Đạt
	K. Nội	≤ 2%	2,18%	Đạt
	K. Ngoại	< 1%	0,16%	Đạt
	K. Phụ Sản	< 0,45%	0,12%	Đạt
	Đơn vị Nhi	≤ 1%	4,16%	Không đạt
10. Tỷ lệ hài lòng của NVYT	P. HCNS	≥ 88%	88%	Đạt
11. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	Điều dưỡng	≥ 91%	99,5%	Đạt
12. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám chữa bệnh	Điều dưỡng	≥ 91,5%	96,2%	Đạt
13. Tỷ lệ trả kết quả xét nghiệm đúng hạn cho các xét nghiệm ngoại trú	K. Xét nghiệm	≥ 91,5%	95,3%	Đạt

B. Chỉ số chất lượng khoa/phòng

1. Tỷ lệ ca phẫu thuật khoa Mắt sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	Khoa Mắt	100%	100%	Đạt
2. Tỷ lệ viêm mù nội nhãn sau phẫu thuật nội nhãn	Khoa Mắt	100%	100%	Đạt
3. Thời gian nằm viện trung bình trong phẫu thuật lấy thai	K. Phụ Sản	≤ 5 ngày	100%	Đạt
4. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh COVID sau tư vấn hướng dẫn tự chăm sóc và phối hợp điều trị tại khoa và sau xuất viện	Khoa Nội	≥ 95%	100%	Đạt

Trong quý II, ghi nhận có 8 báo cáo phản ứng thuốc xảy ra tại khoa Sản (4 báo cáo), khoa Ngoại (3 báo cáo), khoa Hồi sức (1 báo cáo). Tất cả các trường hợp đều được phát hiện và xử trí kịp thời.

✓ Ngày 9/4/2022, ghi nhận 1 trường hợp có khả năng phản ứng với thuốc Bactamox 1,5g (thuốc tiêm), mức độ trung bình.

✓ Ngày 14/4/2022, ghi nhận 1 trường hợp có khả năng phản ứng với thuốc Augbactam 1g/200mg (thuốc tiêm) hoặc Misoprostol 200mg (thuốc uống), mức độ trung bình.

✓ Ngày 16/4/2022, ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Burometam 2g (thuốc tiêm), mức độ trung bình. 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Amikacin 250mg/ml x 2ml (thuốc tiêm), mức độ trung bình.

✓ Ngày 5/5/2022, ghi nhận 1 trường hợp có khả năng phản ứng với thuốc Bactamox 1,5g (thuốc tiêm), mức độ nhẹ.

✓ Ngày 16/5/2022, ghi nhận 1 trường hợp có khả năng phản ứng với thuốc Bactamox 1,5g (thuốc tiêm), mức độ trung bình.

✓ Ngày 18/5/2022, ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Burometam 2g (thuốc tiêm), mức độ trung bình.

✓ Ngày 20/6/2022, ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Augbactam 1g/200mg (thuốc tiêm), mức độ nhẹ.